|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG NINH**  Số: /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc** **quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**

**trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

***1. Căn cứ pháp lý***

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền được Luật quy định.

***2. Căn cứ thực tiễn***

Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của cơ sở giáo dục công lập được cấp từ ngân sách nhà nước theo dự toán chi thường xuyên[[1]](#footnote-2) bao gồm: (1) Chi lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo tiền lương; (2) Chi hoạt động khác: Kinh phí chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của nhà trường (khen thưởng chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu…). Chưa bao gồm chi nhiệm vụ đặc thù; sửa chữa và mua sắm lớn tài sản cố định, nâng cấp cơ sở vật chất theo các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí phục vụ chương trình đổi mới giáo dục phổ thông; các chế độ cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú, Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long.

Ngoài kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nguồn chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục được bổ sung từ 60% nguồn thu học phí[[2]](#footnote-3) (40% tríc lập dự phòng cải cách tiền lương). Do kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ sở giáo dục chưa đáp ứng nhu cầu nên ngoài các khoản thu từ ngân sách và học phí, các cơ sở giáo dục công lập được phép thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường[[3]](#footnote-4), tổng kinh phí từ các khoản thu này bình quân khoảng 1.000 tỷ đồng/năm (có Phụ lục 1 gửi kèm).

Đây là các khoản được thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh theo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của người dân trên địa bàn. Mức thu được xác định trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi, được thỏa thuận theo tinh thần tự nguyện, một số khoản thu, mức thu phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản huớng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể giám sát việc thực hiện của các cơ sở giáo dục. Nhìn chung, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc theo quy định, tình trạng lạm thu được chấn chỉnh và giảm bớt, các trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm túc, kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh hầu hết các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc thu chi kinh phí từ cha mẹ người học, đáp ứng yêu cầu nâng cao các điều kiện đảm báo chất lượng giáo dục, tạo được sự ủng hỗ và đồng thuận cao của cha mẹ học sinhvẫn còn một số cơ sở giáo dục thực hiện chưa đúng quy trình quản lý thu chi dẫn đến còn tình trạng lạm thu, áp đặt mức thu, chưa công khai minh bạch kết quả quyết toán thu chi... dẫn đến các ý kiến phản ánh không đồng thuận của cha mẹ học sinh.

Việc ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập sẽ: (1) Tạo hành lang pháp lý cho các cơ sở giáo dục huy động sự đóng góp từ cha mẹ học sinh để tổ chức các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường; (2) Thống nhất các khoản thu và việc tổ chức thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong toàn tỉnh; (3) Tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh, người dân và các tổ chức xã hội tham gia giám sát việc thu, chi của các cơ sở giáo dục; (4) Khắc phục các tồn tại, hạn chế, bất cập trong việc thu và quản lý, sử dụng kinh phí thu từ cha mẹ học sinh; (5) Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Do nội dung Nghị quyết tác động đến nhiều đối tượng nên trong quá trình dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo ngoài việc thực hiện đúng, đầy đủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cần phải chú trọng việc lấy ý kiến tham gia, góp ý của các đối tượng chịu sự tác động, nhất là cha mẹ học sinh. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đã tổ chức Hội nghị xin ý kiến trực tiếp đối với dự thảo Nghị quyết của trên 600 cha mẹ học sinh và gần 2.000 cán bộ, giáo viên của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; đồng thời 589 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh cũng đã tổ chức xin ý kiến của trên 3.000 người đại diện cho gần 250.000 cha mẹ học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu các nội dung tham gia để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, tất cả các ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh đều nhất trí với sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết.

**II. Nội dung Nghị quyết**

**1. Quy định các khoản thu và mức thu tối đa mỗi khoản thu**

*(Cách tính mức thu tối đa từng khoản thu theo Phụ lục 2 gửi kèm)*

***\* Các khoản thu dịch vụ phục vụ***

1.1. Khoản thu tổ chức bán trú tại trường

*a) Mục đích thu:* Hiện nay, có 100% trẻ mầm non ở 192/192 trường mầm non, 86,4% học sinh tiểu học ở 222/222 cơ sở giáo dục tiểu học được học 02 buổi/ngày (phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ này đạt 100% để đảm bảo điều kiện đổi mới chương trình giáo dục). Do điều kiện lao động nên phần lớn cha mẹ học sinh học 2 buổi/ngày đều có nhu cầu cho con ở lại trường (bán trú ngày) nên các nhà trường đều tổ chức dịch vụ cho học sinh ăn và nghỉ trưa tại trường (dịch vụ bán trú). Việc tổ chức bán trú tại trường tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh yên tâm làm việc, giúp học sinh thuận lợi trong việc tiếp tục tham gia học tập vào buổi chiều, đồng thời tạo nền nếp sinh hoạt tập thể cho học sinh.

*b) Các chi phí tổ chức bán trú và mức thu:*

- Thuê người nấu ăn (áp dụng cho cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn tại trường). Đề xuất mức thu tối đa: *110.000 đồng/tháng/học sinh*.

- Quản lý học sinh bán trú: Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp quản lý học sinh (80%); Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước và thuế bằng (20% ). Đề xuất mức thu tối đa: *140.000 đồng/tháng/học sinh*.

- Tiền ăn của học sinh (Tổng các chi phí trực tiếp: mua lương thực, thực phẩm, gia vị ... và các chi phí gián tiếp: chất đốt, nước rửa bát, điện, nước ...): Đề xuất mức thu tối đa: *660.000 đồng/tháng/học sinh*.

- Tiền mua sắm vật dụng phục vụ bán trú (chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, cốc, xoong, nồi, bếp gas, bếp điện …). Vào đầu năm học, trên cơ sở kiểm kê lại các vật dụng còn sử dụng được, nhà trường lập danh mục đề nghị mua sắm bổ sung và thống nhất với cha mẹ học sinh để trang bị. *Đề xuất mức thu theo thực tế.* (Các trường đặt xuất ăn cho học sinh từ dịch vụ bên ngoài trường không thu các khoản thuê người nấu ăn và mua sắm vật dụng phục vụ ăn bán trú).

1.2. Khoản thu phục vụ nước uống cho học sinh

*a) Mục đích thu:* Cung cấp nước uống cho học sinh, đảm bảo vệ sinh và khuyến khích học sinh uống nước.

*b) Chi phí dịch vụ:* Chi trả tiền nước uống, tiền công người quản lý cấp phát nước, chi phí vật tư (giá để, cốc uống nước …)

*c) Mức thu:* Đề xuất mức thu tối đa (có tính bù trừ và mua nước với khối lượng lớn, thường xuyên):

- Trường học 01 buổi/ngày: *10.000 đồng/tháng/học sinh*;

- Trường học 02 buổi/ngày: *15.000 đồng/tháng/học sinh*.

1.3. Khoản thu giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ (đón sớm, trả muộn; trông giữ trẻ em ngày thứ Bảy; chăm sóc, giáo dục trẻ em tại trường trong hè)

*a) Mục đích thu:* Theo quy định, các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học tổ chức dạy 05 ngày/tuần (từ thứ Hai đến thứ Sáu), làm việc 08 giờ/ngày (buổi sáng từ 7h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h00 đến 17h00), thời gian năm học từ tháng 9 đến hết tháng 5 hàng năm. Do điều kiện về thời gian làm việc, một số cha mẹ của trẻ có nhu cầu đưa trẻ đến trường trước 7h00 (trường đón trẻ sớm) và đón trẻ sau 17h00 (trường trả trẻ muộn); gửi con tại trường ngày thứ Bảy; đề nghị tiếp tục chăm sóc, giáo dục trẻ em trong thời gian nhà trường được nghỉ hè. Để đáp ứng nhu cầu và tạo điều kiện cho cha mẹ của trẻ, các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức dịch vụ giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ.

*b) Chi phí tổ chức dịch vụ:* Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ (80%). Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước, vệ sinh và thuế bằng (20%)

*c) Mức thu:*

- Đón sớm, trả muộn: Đề xuất mức thu tối đa: *280.000 đồng/tháng/trẻ*.

- Giáo dục trẻ ngày thứ Bảy: Đề xuất mức thu tối đa: *60.000 đồng/trẻ/ngày*.

- Giáo dục trẻ em tại trường trong hè: Đề xuất mức thu tối đa: *300.000 đồng/tuần*.

1.4. Khoản thu tổ chức học thêm cho học sinh

*a) Mục đích thu:* Nhằm tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm:

- Học thêm các môn văn hóa: áp dụng cho cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Hoạt động sau giờ học chính thức: Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao ...

- Học tin học: Theo chương trình tự chọn đối với tiểu học, trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên;

- Học ngoại ngữ: Theo chương trình cho trẻ em mầm non làm quen với ngoại ngữ, chương trình tự chọn đối lớp 1, lớp 2 tiểu học và các lớp giáo dục thường xuyên;

- Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy để tăng cường kỹ năng nghe nói, giao tiếp cho học sinh.

*b) Chi phí dịch vụ:* Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (80%); Chi cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước và thuế (20%).

*c) Mức thu tối đa:*

- Học thêm các môn văn hóa: *10.000 đồng/giờ dạy/học sinh*.

- Hoạt động sau giờ học chính thức: *15.000 đồng/giờ dạy/học sinh*.

- Học tin học: *12.000 đồng/giờ dạy/học sinh*.

- Học ngoại ngữ: *10.000 đồng/giờ dạy/học sinh*.

- Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy: *30.000 đồng/giờ dạy/học sinh*.

1.5. Khoản thu thuê phương tiện đưa đón học sinh

*a) Mục đích thu:* Tổ chức dịch vụ đưa đón học sinh (chủ yếu bằng xe ô tô) để tạo điều kiện cho những học sinh nhà ở xa trường, góp phần đảm bảo an toàn giao thông, thuận lợi trong việc quản lý học sinh.

*b) Đề xuất mức thu:* *Theo thỏa thuận* giữa cha mẹ học sinh với cơ sở giáo dục và đơn vị tổ chức dịch vụ.

1.6. Khoản thu chi phí sử dụng máy điều hòa lớp học phục vụ học sinh

*a) Mục đích thu:* Để tạo điều kiện cho học sinh học trong lớp, nhất là trong mùa hè, một số cơ sở giáo dục đã lắp máy điều hòa tại lớp học (từ nguồn thu xã hội hóa theo Đề án được duyệt hoặc các khoản viện trợ, quà tăng từ các tổ chức, cá nhân ...). Việc sử dụng máy điều hòa phát sinh chi phí điện năng tiêu hao trong khi chi phí này chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo.

*b) Đề xuất mức thu:* *Theo thực tế* điện năng tiêu hao theo đồng hồ đo điện năng lắp riêng cho các máy điều hòa lớp học.

***\* Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ***

1.7. Khoản thu trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh

*a) Mục đích thu:* Do khoảng cách từ nhà đến trường xa, một số học sinh sử dụng phương tiện giao thông cá nhân (xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện) để đến trường. Để đảm bảo an toàn tài sản cho học sinh, giữ gìn an ninh trật tự, cảnh quan trong nhà trường, các cơ sở giáo dục đều tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh. Đây là công việc phát sinh theo thực tế, ngoài nhiệm vụ của bảo vệ nhà trường do đó cần thu kinh phí để chi trả cho các chi phí liên quan (chủ yếu là tiền công trông giữ).

*b) Chi phí dịch vụ:* Chi trả tiền công cho người trông giữ xe (80%); Chi công tác quản lý, mua dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe và thuế (20%).

*c) Mức thu:* Đề xuất mức thu tối đa: *30.000 đồng/tháng/xe đạp; 50.000 đồng/tháng/xe đạp điện, xe máy điện*.

1.8. Khoản thu vệ sinh chung ngoài lớp học

*a) Mục đích thu:* Ngân sách nhà nước chưa đảm bảo chi phí cho hoạt động vệ sinh chung của nhà trường (sân trường, nhà vệ sinh chung của học sinh...); công việc này phải thực hiện thường xuyên trong giờ học (nhất là đối với nhà vệ sinh học sinh) nên không bố trí được học sinh thực hiện.

*b) Chi phí dịch vụ:* Chi phí thuê người dọn vệ sinh; Chi mua dụng cụ, vật tư phục vụ vệ sinh: Điện, nước, giấy vệ sinh, nước rửa..

*c) Mức thu:* Đề xuất mức thu tối đa: *15.000 đồng/tháng/học sinh*.

1.9. Hoạt động trải nghiệm:

*a) Mục đích thu:* Hoạt động trải nghiệm được quy định trong chương trình giáo dục, giúp học sinh áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, tổ chức cho học sinh thăm quan tìm hiểu các mô hình, công nghệ đang có góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

*b) Chi phí tổ chức hoạt động:* Bao gồm các chi phí phục vụ việc đi lại của học sinh (thuê phương tiện), tiền thăm quan, ăn, nghỉ của học sinh khi tham gia hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

*c) Đề xuất mức thu:* *Theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền* *phê duyệt* (Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo), trong đó có chương trình, nội dung hoạt động và dự toán các chi phí để tổ chức hoạt động.

**2. Quy định thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:**

*2.1. Đối với việc xác định khoản thu*

a) Nguyên tắc xác định khoản thu: Khoản thu phải phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ sở giáo dục, xuất phát từ nhu cầu tự nguyện của đa số cha mẹ học sinh, vì quyền lợi của học sinh và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong nhà trường;

b) Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc xác định khoản thu, căn cứ danh mục các khoản thu theo quy định, cơ sở giáo dục đề xuất khoản thu cho từng năm học, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp (Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở giáo dục thuộc cấp huyện quản lý, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục trực thuộc).

*2.2. Đối với việc xác định mức thu*

a) Nguyên tắc xác định mức thu: Mức thu của mỗi khoản thu phải được xác định trên cơ sở dự toán chi được thỏa thuận, thống nhất của đa số cha mẹ học sinh, đảm bảo chi đúng mục đích, thu đủ chi; mức thu phải phù hợp với thu nhập của người dân trên địa bàn;

b) Trên cơ sở nguyên tắc xác định mức, cơ sở giáo dục đề xuất và thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể của mỗi khoản thu nhưng không được vượt quá mức thu tối đa theo quy định.

*2.3. Đối với việc tổ chức thu, chi*

a) Cơ sở giáo dục thực hiện thu sau khi được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt khoản thu, mức thu và thông báo công khai; thời điểm thu, số lần thu phải căn cứ vào nhu cầu chi và phù hợp với khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh;

b) Vào cuối học kỳ, cuối năm học, cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả thu và quyết toán chi từng khoản thu, thông báo công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

Trên đây là Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (có dự thảo Nghị quyết kèm theo). Uỷ ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như kính gửi;  - TT Tỉnh ủy;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Ban VHXH HĐND tỉnh;  - Các Sở: GDĐT………..;  - V0, V1-4, GD, TM3, TH6;  - Lưu: VT, GD. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Thị Hạnh** |

1. Theo quy định tại Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ninh thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020. [↑](#footnote-ref-2)
2. Mức thu theo quy đinh tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tinh về quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021. [↑](#footnote-ref-3)
3. Các khoản thu phổ biến: Trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh; Phục vụ tổ chức bán trú trong các trường mầm non, tiểu học; Dạy thêm các môn văn hóa, các môn tự chọn (tin học, ngoại ngữ); Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non ngoài giờ, ngày thứ Bảy, trong hè; Hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Tăng cường kỹ năng nghe nói tiếng Anh có sự tham gia của người nước ngoài; Các chi phí cho hoạt động vệ sinh chung; Các hoạt động trải nghiệm, Tiền điện tiêu hao đối với các trường có lắp điều hòa tại lớp học; Các khoản thu xã hội hóa và các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho ... [↑](#footnote-ref-4)